

Buscopan®

Điều trị cơn đau quặn bụng
Buscopan®
trong hội chứng ruột kích thích



- Đau quặn bụng trong hội chứng ruột kích thích
- Khó chịu vùng bụng



**Buscopan dạng tiêm
cho hiệu quả giảm đau trong (*)**

- Cơ thắt dạ dày cấp tính
- Cơ thắt đường mật
- Cơ thắt đường tiết niệu sinh dục
- Hỗ trợ trong các thủ thuật nội soi dạ dày & X-Quang



2 viên x 3 lần/ngày

Viên nhỏ, bao đường, dễ uống

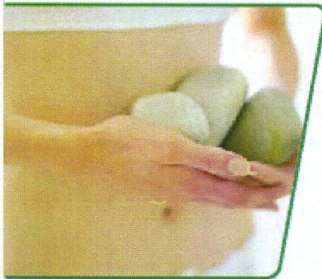
(*) Thông tin kê toa

Số GP tiếp nhận hồ sơ đăng ký tài liệu thông tin thuốc của
Cục QLD – BHYT: XXXX/XX/QLD-BYT, ngày.....tháng.....năm.....
Ngày in tài liệu: DD/MM/YYYY



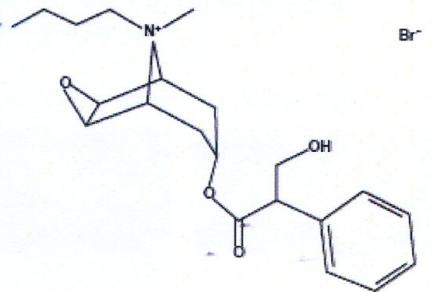
**Boehringer
Ingelheim**

Thông tin sản phẩm xem trang 4

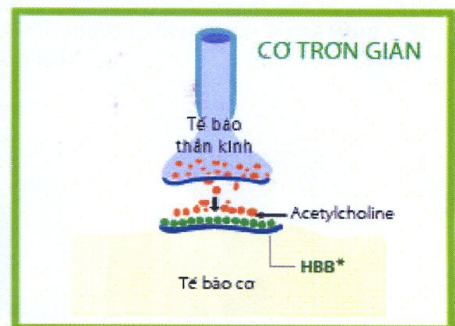
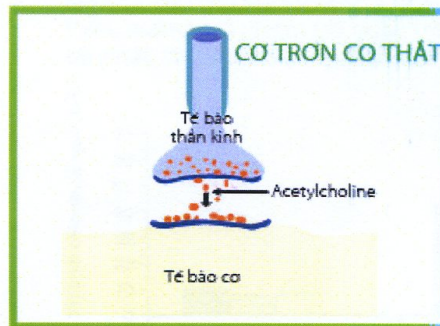


KHÔNG TÁC DỤNG TRÊN THẦN KINH TRUNG ƯƠNG

"Là một dẫn chất Ammonium bậc 4, HBB* không qua hàng rào máu não nên không cho thấy tác dụng trên thần kinh trung ương."⁽¹⁾



CƠ CHẾ TÁC ĐỘNG CỦA HBB* ^{(1), (2)}



HBB* khóa receptor acetylcholine, ngăn không cho Acetylcholine gắn với receptor ở cơ trơn đường tiêu hóa không còn bị co thắt⁽²⁾

TÁC ĐỘNG NHANH

HBB* dạng tiêm có tác dụng từ 10 – 30 phút sau khi tiêm trong hầu hết trường hợp^{(1), (3)}

ĐƯỜNG SỬ DỤNG	KHỞI PHÁT	T _{max}	THỜI GIAN TÁC ĐỘNG
Đường uống	30 - 60 phút	20 - 60 phút	4 - 6 giờ
Tiêm bắp			2 giờ
Tiêm tĩnh mạch	10 phút		

Tài liệu tham khảo:

HBB*: Hyoscine Butyl Bromide

(1) Pakhee Aggarwal, Vijay Zutshi, Swaraj Batra. Role of Hyoscine N-Butyl Bromide (HBB, Buscopan) as labor analgesic.

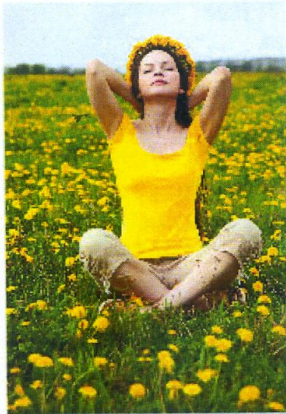
Indian J Med Sci, Vol. 62, No. 5, May 2008, 179 – 184.

(2) Thomas Weiser, Stefan Just. Hyoscine butylbromide potently blocks human nicotinic acetylcholine receptors in SH-SY5Y cells. Neuroscience Letters 450 (2009) 258-261

(3) Scopolamine derivatives. Available from: <http://www.umm.edu/altmed/drugs/scopolamine-derivatives-113900.htm>



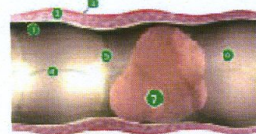
"Với kinh nghiệm thực tiễn lâm sàng từ năm 1951 cho đến nay⁽¹⁾, HBB* đã cho thấy tác dụng giảm co thắt khu trú trên cơ trơn."



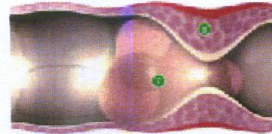
TÁC ĐỘNG KHU TRÚ TRÊN CƠ TRƠN⁽⁴⁾

- ➔ Chống lại các cơn co thắt tăng nhu động ruột bất thường
- ➔ Giảm các cơn đau quặn thắt vùng bụng

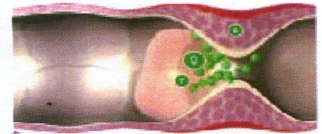
Đường ruột bình thường



Đường ruột bị co thắt

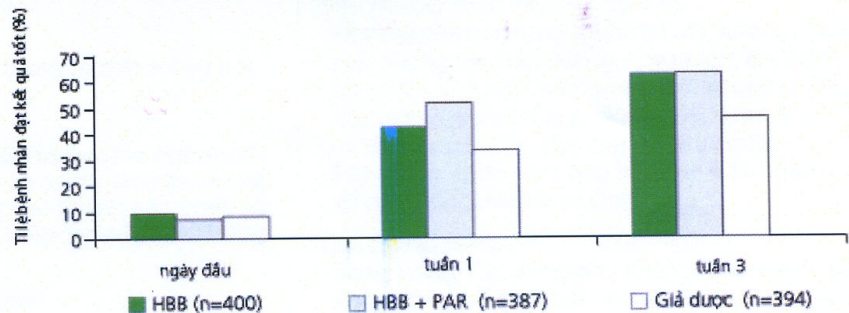


Với tác dụng của HBB



CHỐNG CO THẮT HIỆU QUẢ⁽⁵⁾

Nghiên cứu mù đôi so sánh 3 nhóm HBB* 10 mg x 3 lần/ ngày, kết hợp với HBB Paracetamol và nhóm giả dược trên bệnh nhân bị đau quặn bụng từng cơn tái phát, cho thấy hiệu quả điều trị như sau:



ÍT TÁC DỤNG PHỤ⁽⁵⁾

	Hyoscine Butylbromide	Paracetamol	Hyoscine + Paracetamol	Placebo
N (số bệnh nhân)	415	405	403	414
Có tác dụng phụ	16%	14%	17%	11%
Tác dụng phụ nặng	0,2%	0,7%	0,7%	0,7%
PUP liên quan đến thuốc	1,2%	1,2%	1,2%	1,0%

Tài liệu tham khảo:

HBB* : Hyoscine Butyl Bromide

(4) Medico - Marketing Package, Version 03, 01-Feb-2008, Buscopan, Indications

(5) S.Mueller - Lissner, G.N. Tytgat, L.G.Paulo, E.M.M.Quigley, J. Bubeck, H. Peil, E.Schaefer, Placebo - and Paracetamol - controlled study on the efficacy and tolerability of Hyoscine butylbromide in the treatment of patients with recurrent crampy abdominal pain, 2006 Authors, Alimentary Pharmacology Therapeutics 23, 1741-1748.



Thuốc viên: 2 viên x 3 lần/ngày
Thuốc tiêm: 1-2 ống x 3 lần/ngày
(không quá 5 ống/ngày)

THÔNG TIN KÊ TOA

Dung dịch tiêm 20 mg/ml: ống 1 ml, hộp 10 ống.
Viên nén bao đường 10 mg: hộp 50 viên.

THÀNH PHẦN

Hyoscine-N-butylbromide.

CHỈ ĐỊNH

- Dạng uống: Điều trị đau bụng co thắt trong hội chứng kích thích ruột.
- Dạng tiêm:
 - + Co thắt dạ dày cấp tính, đường mật và đường tiết niệu sinh dục, bao gồm cơn đau quặn thận và mật. Điều trị hỗ trợ trong các thủ thuật chẩn đoán và điều trị có gây co thắt như: nội soi dạ dày và trong X-Quang.

LIỀU LƯỢNG VÀ CÁCH DÙNG

- Dạng uống: Người lớn và trẻ em trên 6 tuổi: 1-2 viên x 3 lần/ngày, liều tối đa: 60 mg HBB/ ngày, uống nguyên viên với lượng nước vừa đủ.
- Dạng tiêm:
 - + Trong cơn đau ruột cấp, 1-2 ống Buscopan (20-40 mg) có thể được tiêm tĩnh mạch, tiêm bắp hoặc tiêm dưới da vài lần trong ngày. Liều tối đa không vượt quá 100 mg/ ngày.
 - + Trẻ còn bú và trẻ em: tiêm tĩnh mạch chậm, tiêm bắp, tiêm dưới da vài lần ngày với liều 0,3 - 0,6 mg/kg cân nặng cơ thể. Liều tối đa: 1,5 mg/kg/ngày.

CHỐNG CHỈ ĐỊNH

- Dạng uống: Mẫn cảm với các thành phần của thuốc, hẹp cơ học đường tiêu hóa, to kết tràng, bí tiểu, glaucoma góc đóng, nhịp tim nhanh, loạn nhịp nhanh và chứng nhược cơ nặng.
- Dạng tiêm: Nhạy cảm với HBB, tăng nhãn áp, phì đại tiền liệt tuyến kèm theo bí tiểu, hẹp cơ học đường tiêu hóa, nhịp tim nhanh, to ruột kết, nhược cơ nặng. Không nên tiêm bắp Buscopan cho bệnh nhân đang điều trị với thuốc kháng đông.

CẢNH BÁO VÀ THẬN TRỌNG ĐẶC BIỆT:

- Dạng uống: Không được khuyến cáo sử dụng cho trẻ em dưới 6 tuổi. Những bệnh nhân với bệnh di truyền hiếm gặp không dung nạp fructose thì không nên dùng thuốc này.
- Dạng tiêm: Không nên lái xe hoặc vận hành máy móc sau khi tiêm Buscopan cho đến khi thị lực trở lại bình thường. Tăng áp lực nội bào có thể xảy ra ở bệnh nhân chưa chuẩn đoán và điều trị tăng nhãn áp góc hẹp.

TƯƠNG TÁC THUỐC

- Tăng tác dụng kháng cholinergic của thuốc kháng trầm cảm ba vòng, thuốc kháng histamine, quinidine, amantadine và disopyramide.
- Giảm hiệu quả của cả 2 thuốc trên dạ dày ruột khi dùng đồng thời với chất đối kháng dopamine.
- Tác dụng gây nhịp nhanh của beta-adrenergic có thể được tăng cường bởi Buscopan.

PHỤ NỮ CÓ THAI VÀ CHO CON BÚ

- Kinh nghiệm sử dụng thuốc lâu dài không cho thấy ảnh hưởng xấu trên thai kỳ. Tuy nhiên, cần thận trọng khi sử dụng thuốc trong thời kỳ mang thai, đặc biệt trong ba tháng đầu thai kỳ. Sự an toàn của thuốc trong thời kỳ cho con bú chưa được xác định.
- Tuy nhiên, chưa có thông báo nào về tác dụng bất lợi của thuốc trên trẻ sơ sinh.

TÁC DỤNG NGOẠI Y

- Dạng uống: Tác dụng phụ kháng cholinergic gồm khô miệng, rối loạn tiết mồ hôi, nhịp tim nhanh và bí tiểu có thể xảy ra, nhưng thường nhẹ và tự giới hạn.
- Rất hiếm phản ứng dị ứng; một số trường hợp có phản ứng phản vệ bao gồm khó thở và shock đã được quan sát thấy.
- Dạng tiêm: Shock phản vệ, khó thở, phản ứng mẫn cảm, các rối loạn điều tiết thị lực, nhịp tim nhanh, giảm huyết áp, chóng mặt, đỏ bừng mặt, khô miệng, rối loạn tiết mồ hôi, bí tiểu.

NHÀ SẢN XUẤT

- Dạng uống: Boehringer Ingelheim Pharma GmbH & Co. KG, Đức.
- Dạng tiêm: Boehringer Ingelheim Espana, Tây Ban Nha.

NHÀ PHÂN PHỐI

Công ty Cổ phần Y Dược phẩm Vimedimex - 246 Cống Quỳnh, Q.1, TP. HCM

Mọi thông tin về thuốc xin liên hệ:

VPĐD Boehringer Ingelheim Việt Nam

● Tầng 14, Kumho Asiana Plaza
39 Lê Duẩn, Q.1, TP. HCM - ĐT: 08.3823.6919

● Tầng 14, VIT Tower
519 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội - ĐT: 04.3562.4129

